

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm
công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh Thủ đô;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29 tháng 5 năm 2008 được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2008 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 113/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2010;

Xét đề nghị của Sở Công Thương, Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực tại Tờ trình số 1202/TTr-SCT ngày 23/4/2009 về việc ban hành Quy chế đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Sở Công Thương Hà Nội, Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực có trách nhiệm căn cứ vào Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện nhằm đảm bảo Mục tiêu và Kế hoạch của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2006/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế đánh giá xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội, Quyết định số 58/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2007 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định

tiêu chí đánh giá bảng điểm chuẩn và phương pháp tính điểm để xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội; Quyết định số 81/2006/QĐ-UB ngày 26/5/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TPHN;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Báo Hà Nội mới; Báo Kinh tế & Đô thị;
- CVP, các PVP, CT, TH;
- TT công báo;
- Lưu VT, CT(li2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Tưởng

QUY CHẾ

Đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2009
của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Khái niệm về Sản phẩm công nghiệp chủ lực

Sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là SPCNCL) là sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; được tạo ra trên các dây chuyền thiết bị có trình độ công nghệ ngang tầm khu vực, phù hợp với trình độ sản xuất trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, đảm bảo năng lực sản xuất và môi trường bền vững; tạo ra mức tăng trưởng cao, ổn định; hoặc thuộc nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng GDP công nghiệp.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Sản phẩm công nghiệp chủ lực gắn với tên Doanh nghiệp sản xuất ra sản phẩm được UBND Thành phố ra quyết định công nhận sẽ được xem xét hỗ trợ theo Quy chế này.

2. Các doanh nghiệp công nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội, không phân biệt thành phần kinh tế, tự nguyện tham gia Chương trình phát triển SPCNCL thành phố Hà Nội, có sản phẩm đăng ký được Hội đồng chuyên ngành xét chọn và trình UBND thành phố Hà Nội công nhận là SPCNCL.

Điều 3. Mục đích hỗ trợ và những điều kiện cần thiết cho việc đánh giá cho điểm

1. Mục đích hỗ trợ

Đề tập trung nguồn lực ưu tiên hỗ trợ theo phương châm không bảo hộ, không dàn trải, tạo môi trường cho sản xuất phát triển, đảm bảo cho những sản phẩm được Thành phố chọn là sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL) trong giai đoạn tới có điều kiện phát triển bền vững, đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố.

2. Những điều kiện cần thiết cho việc đánh giá cho điểm:

a) Các tiêu thức (định tính và định lượng) đã được Thành phố phê duyệt để đánh giá cho điểm SPCNCL.

b) Thang bảng điểm và điểm chuẩn được xây dựng riêng cho từng phân ngành kinh tế kỹ thuật theo đặc thù được Thành phố phê duyệt.

c) Số liệu phục vụ cho việc đánh giá xét chọn dựa trên báo cáo kết quả hoạt động của doanh nghiệp có liên quan đến sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình SPCNCL, kết hợp kết quả kiểm tra, khảo sát trình độ công nghệ, nguồn nhân lực và thực tế tại doanh nghiệp.

d) Việc kê khai, tự đánh giá SPCNCL của doanh nghiệp phải đảm bảo tính trung thực, chính xác và tự chịu trách nhiệm.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ,** **ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN VÀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn và phương pháp tính điểm để xét chọn SPCNCL thành phố Hà Nội bao gồm 10 tiêu chí áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình phát triển SPCNCL thành phố Hà Nội (theo phụ lục 1 đính kèm).

Điều 5. Quy trình đánh giá, xét chọn và công nhận sản phẩm SPCNCL của từng doanh nghiệp (theo phụ lục 2 đính kèm).

Bao gồm:

1. Đề xuất doanh nghiệp tham gia Chương trình;
2. Khảo sát sản phẩm công nghiệp;
3. Tổ chức đánh giá, xét chọn;
4. Công nhận SPCNCL.

Điều 6. Ưu đãi về đất đai

Ngoài những cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành, doanh nghiệp sản xuất SPCNCL còn được:

1. Ưu tiên bố trí vào các Khu, cụm công nghiệp của Thành phố khi có các Dự án sản xuất SPCNCL được đầu tư mới, đầu tư chiều sâu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bố trí diện tích đất phù hợp với nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp khi thực hiện việc di chuyển địa điểm sản xuất vào Khu, cụm công nghiệp.

Điều 7. Ưu đãi về tài chính

Những cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

Trong hoạt động xúc tiến thương mại, doanh nghiệp có SPCNCL được:

1. Ưu tiên đưa vào chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu hàng năm của Thành phố;
2. Hỗ trợ 100% kinh phí khi thực hiện xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế;
3. Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo ngắn hạn (thời gian đào tạo không quá 3 tháng) tại các cơ sở đào tạo trong nước theo chương trình của Thành phố hàng năm để nâng cao năng lực và kỹ năng kinh doanh các SPCNCL;
4. Giới thiệu miễn phí trên website của Sở Công Thương về các thông tin liên quan đến SPCNCL;
5. Ưu tiên đưa vào chương trình Thương mại điện tử hàng năm của Thành phố; Trưng bày, giới thiệu sản phẩm miễn phí SPCNCL tại Trung tâm Xúc tiến thương mại của Thành phố.
6. Tôn vinh và công bố giới thiệu rộng rãi các SPCNCL trên hệ thống thông tin đại chúng của Thành phố;
7. Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng và tiền vé máy bay đi, về tối đa cho 02 (hai) người của doanh nghiệp khi tham gia các Hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế do Thành phố tổ chức.

Điều 9. Hỗ trợ về nghiên cứu khoa học công nghệ

Được ưu tiên hỗ trợ 100% kinh phí đối với những đề tài nghiên cứu ứng dụng, dự án sản xuất thử nghiệm liên quan đến SPCNCL thuộc các lĩnh vực dưới đây:

1. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.
2. Sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ, thiết bị mới tiên tiến trước khi ứng dụng vào sản xuất quy mô công nghiệp SPCNCL; sản xuất thử nghiệm nhằm sản xuất ra các nguyên liệu, phụ liệu thay thế hàng nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho sản xuất SPCNCL.

Điều 10. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ phát triển SPCNCL trích từ nguồn ngân sách Thành phố;

giao Sở Công Thương là cơ quan Thường trực Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp đăng ký kinh phí trong kế hoạch kinh phí hàng năm của Ủy ban Nhân dân Thành phố.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Là Thường trực Ban Chỉ đạo phát triển SPCNCL, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND Thành phố phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể cho từng SPCNCL của doanh nghiệp sản xuất SPCNCL được lựa chọn hỗ trợ.

2. Lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ hàng năm, thông qua Ban chỉ đạo, trình UBND Thành phố phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai hỗ trợ các SPCNCL đã được UBND Thành phố phê duyệt.

4. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp được hỗ trợ lập dự toán và quyết toán tài chính theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ban chỉ đạo phát triển SPCNCL và Sở Tài chính xây dựng, trình UBND Thành phố kế hoạch phân bổ kinh phí và mức hỗ trợ cho các SPCNCL.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Cân đối và cấp phát kinh phí theo kế hoạch Thành phố đã phê duyệt.

2. Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp được hỗ trợ lập dự toán và quyết toán tài chính theo đúng quy định hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Quy hoạch Kiến trúc, và các sở ngành khác liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương trong việc tổ chức thực hiện hỗ trợ cho các SPCNCL của doanh nghiệp sau khi được UBND Thành phố phê duyệt.

Điều 15. Trách nhiệm các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp công nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội tham gia Chương trình có trách nhiệm:

1. Liên hệ với Thường trực Ban chỉ đạo để được hướng dẫn tham gia chương trình sản phẩm chủ lực của Thành phố; nhận phiếu “Tự đánh giá năng lực sản phẩm công nghiệp chủ lực của doanh nghiệp”.

2. Gửi kết quả “Tự đánh giá năng lực sản phẩm công nghiệp chủ lực của doanh nghiệp” về Thường trực Ban chỉ đạo để đăng ký xin đánh giá, xét chọn trước tháng cuối cùng của quý I và III.

3. Đáp ứng các yêu cầu của Hội đồng chuyên ngành khi cần làm rõ những vấn đề có liên quan đến sản phẩm công nghiệp chủ lực của doanh nghiệp và khi các tổ công tác kiểm tra hoặc khảo sát thực tế.

4. Có trách nhiệm sử dụng kinh phí ngân sách hỗ trợ cho phát triển SPCNCL đúng mục đích và có hiệu quả.

5. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ để được hỗ trợ theo đúng quy định.

6. Chịu trách nhiệm quyết toán tài chính kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.

7. Phải tuân thủ chế độ báo cáo, tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra sử dụng kinh phí ngân sách hỗ trợ cho phát triển SPCNCL khi có yêu cầu.

Điều 16. Thời gian tổ chức đánh giá, xét chọn và thẩm định lại SPCNCL

1. Việc tổ chức đánh giá, xét chọn được thực hiện 01 hoặc 02 lần trong 01 năm vào tháng cuối cùng của quý I và quý III hàng năm.

2. Việc đánh giá lại các SPCNCL đã được Thành phố công nhận được thực hiện sau 24 tháng kể từ khi sản phẩm đó được công nhận.

3. Sản phẩm có được duy trì công nhận là sản phẩm công nghiệp chủ lực hay không tùy thuộc vào kết quả đánh giá lại của Ban chỉ đạo trình UBND Thành phố phê duyệt.

Điều 17. Kinh phí cho việc tổ chức đánh giá xét chọn

1. Kinh phí cho việc in ấn mẫu biểu, phiếu đăng ký, thang bảng điểm phục vụ khảo sát, đánh giá cho điểm, trả công cho các chuyên gia của Hội đồng chuyên ngành đánh giá xét chọn SPCNCL được thực hiện theo đúng các quy định về chế độ tài chính hiện hành và được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của Chương trình được Thành phố phê duyệt hàng năm.

2. Các doanh nghiệp tham gia Chương trình chịu trách nhiệm chi phí các khoản kinh phí có liên quan khác tại doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho các Hội đồng làm việc khi cần thiết.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Công Thương, Thường trực Ban chỉ đạo phát triển SPCNCL Thành phố; Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *HT*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Tường

Phụ lục 1.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, BẢNG ĐIỂM CHUẨN VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM ĐỂ XÉT CHỌN SPCNCL THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Tiêu chí đánh giá lựa chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL) Thành phố Hà Nội bao gồm 10 tiêu chí áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình phát triển SPCNCL thành phố Hà Nội.

2. Tổng điểm tối đa cho 10 tiêu chí là 100 điểm.

3. Phương pháp tính điểm cho 10 tiêu chí gồm 2 nhóm:

- Nhóm tiêu chí định lượng: sử dụng phương pháp chung được nêu trong Quy định này để làm căn cứ tính toán.

- Nhóm tiêu chí định tính: sử dụng phương pháp chuyên gia để chấm điểm.

4. Quy định về điểm chuẩn xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực: Việc lựa chọn mức điểm chuẩn đạt sản phẩm công nghiệp chủ lực do các Hội đồng chuyên ngành quyết định phù hợp với từng thời kỳ xét chọn.

5. Nội dung cụ thể của 10 tiêu chí đánh giá, bảng điểm chuẩn cho từng tiêu chí và phương pháp tính điểm chung cho 10 tiêu chí được nêu trong bảng dưới đây:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn tối đa	Phương pháp tính điểm
1	Tiêu chí 1: Chỉ tiêu tăng trưởng phát triển sản xuất SPCNCL biểu thị bằng tốc độ tăng trưởng về GTSXCN cao và ổn định	10	Lấy mức tăng trưởng chung cả năm của ngành sản xuất của sản phẩm đăng ký làm chuẩn để so sánh. Nếu mức tăng trưởng của sản phẩm đăng ký bằng chuẩn được tính 0 điểm và cứ cao hơn chuẩn 0,5% được tính cộng thêm 1 điểm.
2	Tiêu chí 2: Chỉ tiêu quy mô sản xuất SPCNCL được biểu thị bằng GTSXCN do sản phẩm đó tạo ra.	20	Lấy mức 300 tỷ đồng/ năm làm chuẩn so sánh. GTSXCN của sản phẩm đăng ký đạt 300 tỷ đồng trở lên được tối đa là 20 điểm. Cứ giảm 15 tỷ đồng thì tương đương với hạ 1 điểm
3	Tiêu chí 3: Chỉ tiêu năng suất lao động của SPCNCL được biểu thị bằng tỷ số giữa GTSXCN do sản phẩm đó tạo ra với số lượng lao động tham gia sản xuất sản phẩm đó.	10	Lấy tỷ số giữa GTSXCN với số lao động của ngành sản xuất của sản phẩm đăng ký làm chuẩn để so sánh. Nếu chỉ tiêu năng suất lao động của sản phẩm đăng ký bằng chuẩn thì tính 0 điểm và tăng hơn 10% thì được tính cộng thêm 1 điểm
4	Tiêu chí 4: Chỉ tiêu về khả năng xuất khẩu thể hiện bằng tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao và ổn định.	5	Lấy mức tăng trưởng chung của kim ngạch xuất khẩu ngành sản xuất của sản phẩm đăng ký trong 1 năm trước đó làm chuẩn so sánh. Nếu mức tăng trưởng của sản phẩm đăng ký bằng mức chung được tính 0 điểm. Cứ cao hơn 1% được tính cộng thêm 1 điểm.

5	<p>Tiêu chí 5: Chỉ tiêu đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm được biểu thị bằng số lượng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với ngành chế biến lương thực thực phẩm và ngành hoá dược: Nếu đơn vị đã áp dụng HACCP hoặc GMP được tính 2 điểm. - Đối với các ngành sản xuất công nghiệp khác còn lại: Nếu đã áp dụng ISO 9001:2000 được tính 2 điểm. - Đối với tất cả các ngành sản xuất công nghiệp: Cứ áp dụng thêm 1 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế khác (ngoài 3 hệ thống nêu trên) đem lại hiệu quả thiết thực được cộng thêm 1 điểm
6	<p>Tiêu chí 6: Chỉ tiêu về bản quyền đối với sản phẩm (Sở hữu công nghiệp và thương hiệu).</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm đã đăng ký bảo hộ trong nước quyền đối với nhãn hiệu hàng hoá được cộng 1 điểm. - Sản phẩm đã đăng ký bảo hộ ở nước ngoài quyền đối với nhãn hiệu hàng hoá được cộng 1 điểm. - Sản phẩm đã đăng ký kiểu dáng công nghiệp được cộng 1 điểm. - Sản phẩm là kết quả của sáng chế hay giải pháp hữu ích đã đăng ký được cộng 1 điểm. - Sản phẩm được bình chọn hoặc đạt giải thưởng trong Hội chợ được cộng 1 điểm.
7	<p>Tiêu chí 7: Trình độ thiết bị công nghệ sản xuất SPCNCL.</p> <p>Lưu ý: thiết bị và con người được xét đến trong tiêu chí này phải liên quan trực tiếp đến sản xuất SPCNCL.</p>	15	<p><i>Tiêu chí này được phân ra làm 3 nhóm:</i></p> <p><i>1. Thiết bị công nghệ: 7 điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trang thiết bị bình quân trên 1 đầu người tối đa 3 điểm: lớn hơn hoặc bằng 30.000 USD đạt điểm tối đa, giảm 5.000 USD thì trừ 0,5 điểm, nhỏ hơn 5.000 USD không đạt điểm nào. - Xuất xứ của thiết bị tối đa 2 điểm: nếu trên 50% thiết bị để sản xuất sản phẩm đăng ký có xuất xứ từ các nước công nghiệp phát triển 2 điểm, các nước công nghiệp mới 1 điểm, các nước đang phát triển 0 điểm. - Chi phí nguyên liệu cho 1 đơn vị sản phẩm tối đa 2 điểm: nếu mức tiêu hao nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm nhỏ hơn hoặc bằng mức trung bình tiên tiến thế giới đạt 2 điểm, cao hơn tối đa 20% đạt 1 điểm, cao hơn trên 20% đạt 0 điểm. <p><i>2. Trình độ nhân lực: 6 điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cán bộ, công nhân có trình độ cao đẳng đại học trở lên lớn hơn 15% đạt 3 điểm, trong khoảng lớn hơn 10% đến 15% đạt 2 điểm, trong khoảng lớn hơn 5% đến 10% đạt 1 điểm, từ 5% trở xuống đạt 0 điểm. - Tỷ lệ thợ bậc cao (bậc 5 trở lên) lớn hơn 20% đạt 3 điểm, trong khoảng lớn hơn 15% đến 20% đạt 2 điểm, trong khoảng lớn hơn 10% đến 15% đạt 1 điểm, từ 10% trở xuống đạt 0 điểm. <p><i>3. Thông tin: 2 điểm</i></p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Có trang bị hệ thống thông tin phục vụ sản xuất đạt 1 điểm. - Có trang bị hệ thống thông tin phục vụ quản lý đạt 1 điểm
8	Tiêu chí 8: Có điều kiện và khả năng đảm bảo phát triển bền vững (không gây ô nhiễm môi trường hoặc có biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường).	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trong sản xuất sản phẩm đăng ký không có nước thải, chất thải hoặc có nước thải, chất thải ra nhưng đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép theo quy định được 3 điểm. - Trong sản xuất sản phẩm đăng ký không có khí thải hoặc có khí thải ra nhưng đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép được cộng thêm 1 điểm. - Trong sản xuất sản phẩm đăng ký luôn đảm bảo tiếng ồn đạt tiêu chuẩn cho phép được cộng thêm 1 điểm.
9	Tiêu chí 9: Có khả năng thúc đẩy ngành kinh tế kỹ thuật khác phát triển hoặc đảm bảo cung ứng để tăng dần tỷ trọng nội địa hoá hoặc tỷ trọng nguyên vật liệu sản xuất trong nước cho các SPCNCL khác.	10	Tính theo phương pháp chuyên gia.
10	Tiêu chí 10: Tiêu chí về hiệu quả SXKD của sản phẩm (Được thể hiện thông qua nộp ngân sách, lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động)	15	Tính theo phương pháp chuyên gia.

Phụ lục 2
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XÉT CHỌN VÀ CÔNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC CỦA TỪNG DOANH NGHIỆP

1. Đề xuất doanh nghiệp có khả năng tham gia Chương trình

Sở Công Thương Hà Nội-Thường trực Ban chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo đề xuất danh sách doanh nghiệp có khả năng tham gia Chương trình SPCNCL tổ chức xem xét lựa chọn để gửi thông báo cho doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình.

2. Khảo sát sản phẩm công nghiệp

Căn cứ Phiếu đăng ký của doanh nghiệp tham gia Chương trình, Thường trực Ban chỉ đạo có trách nhiệm tổng hợp, phân loại theo từng nhóm ngành kinh tế - kỹ thuật để lên kế hoạch kiểm tra hoặc khảo sát thực tế tại doanh nghiệp.

Các Tổ công tác chuyên ngành tiến hành kiểm tra hoặc khảo sát sản phẩm công nghiệp trước khi tổ chức đánh giá xét chọn.

3. Tổ chức đánh giá, xét chọn:

a) Các Hội đồng chuyên ngành căn cứ thang, bảng điểm đã được Thành phố phê duyệt để tổ chức đánh giá, xét chọn đối với các chỉ tiêu ghi trong Phiếu tự đánh giá SPCNCL do doanh nghiệp đăng ký, kết hợp với kết quả kiểm tra hoặc khảo sát thực tế tại doanh nghiệp .

b) Việc đánh giá, xét chọn tiến hành theo 2 bước:

- Bước 1: đánh giá, xét chọn đối với các tiêu thức định lượng.

(Đối với các tiêu thức phải sử dụng phương pháp toán học để tính toán)

Tổng các điểm số cho từng tiêu thức nếu đạt điểm chuẩn quy định thì sản phẩm đó được chuyển sang bước 2.

- Bước 2: đánh giá, xét chọn đối với các tiêu thức định tính.

(Đối với các tiêu thức phải sử dụng phương pháp chuyên gia để đánh giá)

c) Tổng hợp kết quả đánh giá, xét chọn: Các sản phẩm công nghiệp có tổng số điểm (bước 1 và 2) đạt từ điểm chuẩn quy định đối với SPCNCL trở lên thì được đưa vào danh sách để trình Ban chỉ đạo.

4. Công nhận SPCNCL

- Căn cứ Tờ trình của Thường trực Ban chỉ đạo, UBND Thành phố xem xét ra quyết định công nhận sản phẩm của doanh nghiệp là SPCNCL của Thành phố.

Quyết định của UBND Thành phố về công nhận SPCNCL là căn cứ pháp lý để hưởng hỗ trợ theo các cơ chế đặc thù của Thành phố.

- Các SPCNCL sẽ được tôn vinh và công bố giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố.